

Ngày 31/12/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.7%	2.3%	5.4%

2025	
ROE	#VALUE! #VALUE!

Q4/25	
DT thuần	
tỷ VNĐ	

2025	
DT thuần	
tỷ VNĐ	

Q4/25	
LN gộp	
tỷ VNĐ	

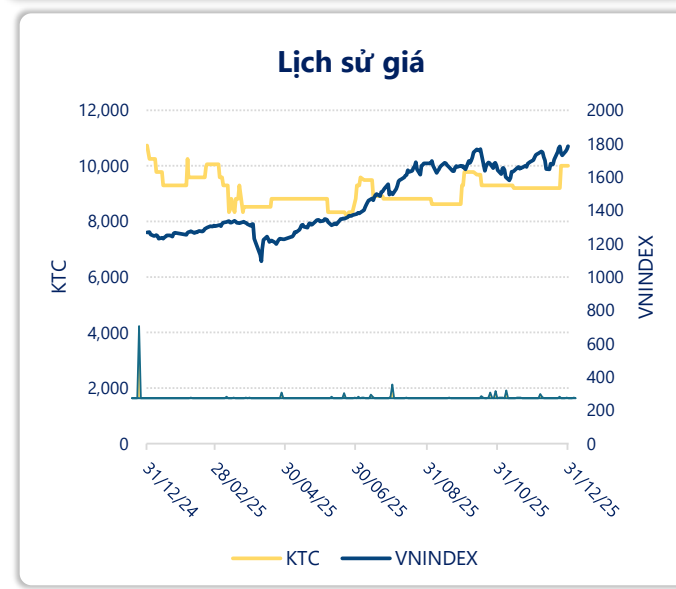
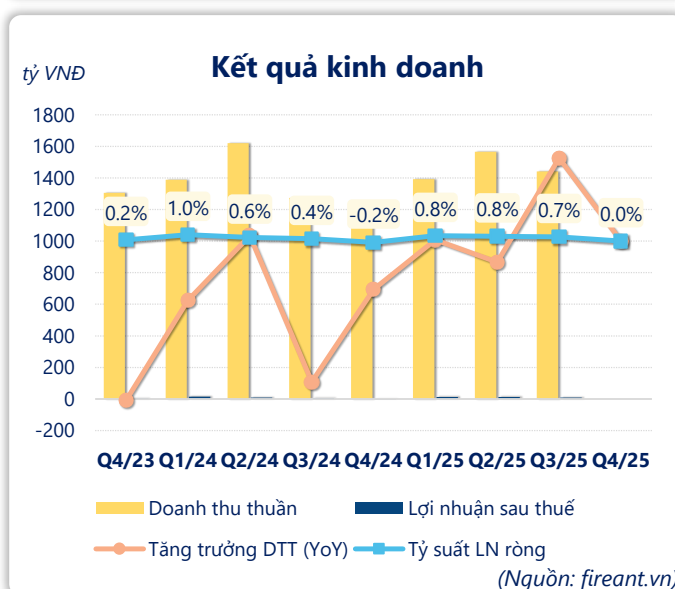
2025	
LN gộp	
tỷ VNĐ	

Q4/25	
LN thuần	
tỷ VNĐ	

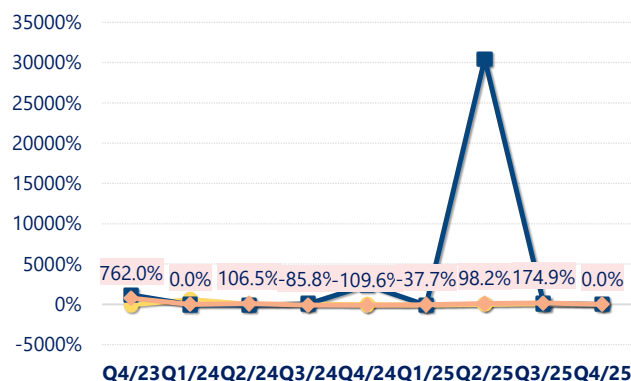
2025	
LN thuần	
tỷ VNĐ	

Q4/25	
LN sau thuế	
tỷ VNĐ	

2025	
LN sau thuế	
tỷ VNĐ	



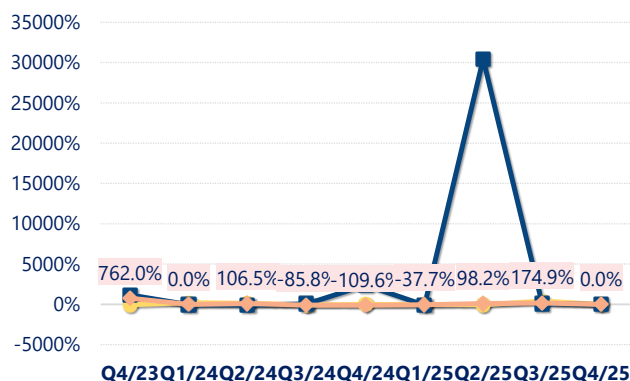
Tăng trưởng lợi nhuận



— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

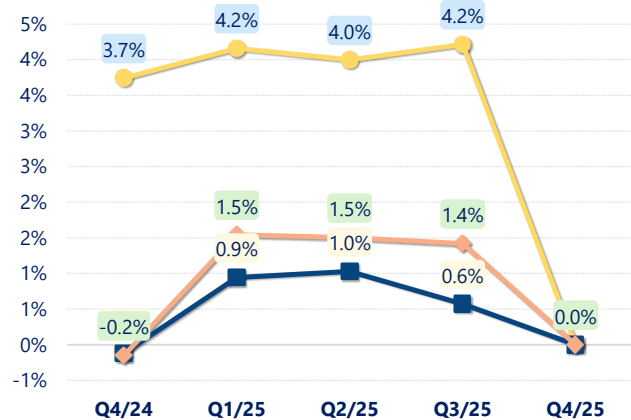
Tăng trưởng chi phí



— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

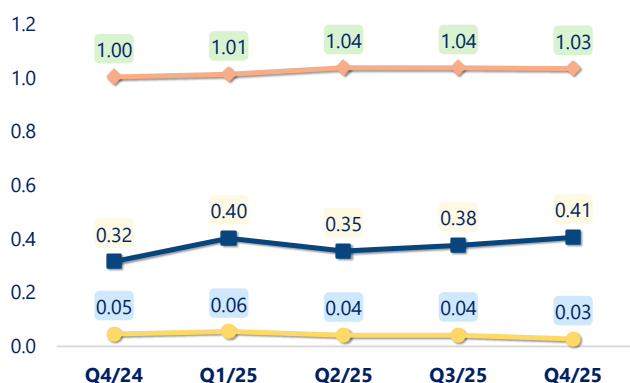
Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

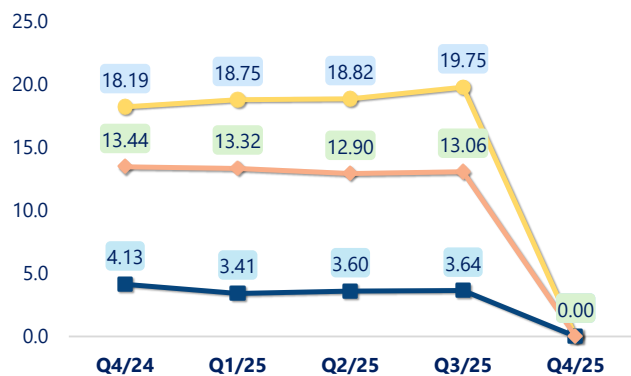
Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

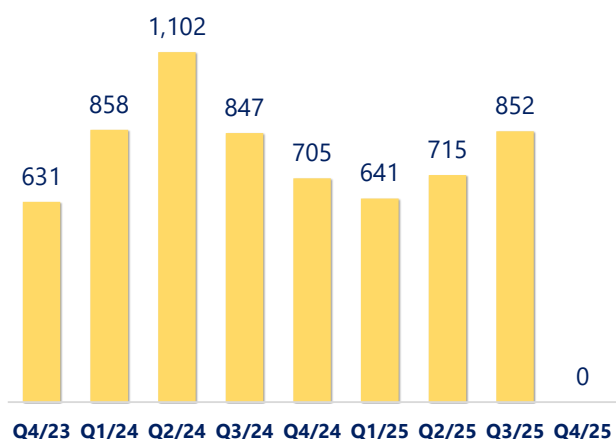
Vòng quay tài sản



— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần		1,205			5,498	
Giá vốn hàng bán		1,160			5,289	
Lợi nhuận gộp		45.1			209	
Doanh thu HĐTC		6.18			25.1	
Chi phí TC		3.09			44.0	
Chi phí lãi vay		0.71			37.9	
LN trong công ty LKLD		1.60			12.1	
Chi phí bán hàng		27.8			122	
Chi phí QLDN		23.4			60.0	
LN thuần từ HĐKD		-1.44			20.2	
Lợi nhuận khác		-1.10			9.32	
LN trước thuế		-2.54			29.5	
Lợi nhuận sau thuế		-2.44			25.6	
LNST của CĐ cty mẹ		-2.45			25.5	

(Nguồn: fireant.vn)

